TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp XLT, xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh R chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh R thường xuyên đánh chị, không quan tâm, lo lắng cho gia đình, anh chị ly thân đến nay khoảng bốn năm. Chị yêu cầu ly hôn với anh R.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Huỳnh Văn D, sinh ngày 17/02/2012, cháu D sống chung với chị từ khi ly thân đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

cho anh Nguyễn Văn R nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn R đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh R là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh R chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện NC; hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh R thường xuyên đánh chị, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Anh R được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T, điều này cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Dó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh R.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, xét thấy: Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu D sống chung với chị T, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Theo biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 04/5/2020 thể hiện cháu D có nguyện vọng sống chung với chị T. Mặt khác, anh R không thể hiện ý kiến được nuôi dưỡng cháu D. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Thị T, cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn D, sinh ngày 17/02/2012 cho chị Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nôm con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010431 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã HV, huyện NC;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng